

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XIX - KỲ HỌP ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 09/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2022/TT-BTC ngày ...../...../2022 của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2022/TT-BTC ngày ...../...../2022 của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số ...../2022/TT-BNNPTNT ngày ...../...../2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Văn bản số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện một số quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số*

*.../BC-HĐND ngày tháng ... năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang:

1. Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. Người dân trên địa bàn nông thôn. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

3. Tổ chức và cá nhân liên quan.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Đơn vị chủ trì liên kết là doanh nghiệp, hợp tác xã đề xuất dự án, kế hoạch liên kết để hợp tác với các cá nhân, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đối tượng liên kết là cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác.

3. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia là việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, khởi nghiệp, khởi sự

kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất gồm: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ; hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù.

4. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là phương thức hỗ trợ thông qua dự án, kế hoạch liên kết do đơn vị chủ trì liên kết hợp tác với các đối tượng liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ theo chuỗi giá trị.

5. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là phương thức hỗ trợ cộng đồng dân cư thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất do chính cộng đồng dân cư đề xuất, tổ chức thực hiện.

6. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ là phương thức hỗ trợ thông qua đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu lựa chọn cơ quan, đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện hoạt động hỗ trợ người dân sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.

#### **Điều 4. Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia**

1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

3. Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân.

4. Ưu tiên sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ thực hiện các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; các dự án, mô hình thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

6. Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn.

#### **Điều 5. Phân cấp phê duyệt dự án**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án có phạm vi hoạt động sản xuất trên địa bàn từ 2 huyện, thành phố trở lên hoặc có phạm vi hoạt động sản xuất trên địa bàn 01 huyện, thành phố với quy mô vốn đầu tư từ 5,0 tỷ đồng trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố phê duyệt dự án các trường hợp còn lại.

### **Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH NỘI DUNG HỖ TRỢ, MẪU HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, LỰA CHỌN ĐƠN VỊ ĐẶT HÀNG TRONG THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

### **Điều 7. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

#### **1.1. Điều kiện hỗ trợ**

a) Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

b) Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

c) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư theo quy định tại khoản 5, Điều 4 Nghị quyết này.

#### **1.2. Nội dung hỗ trợ**

a) Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

c) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Xây dựng, quản lý dự án: Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường (theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính).

e) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, phân tích thành phần định lượng của hàng hóa; chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm và dán nhãn sản phẩm (theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính).

### 1.3. Mẫu hồ sơ

a) Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của chủ trì liên kết (*Mẫu số 01*).

b) Dự án liên kết (*Mẫu số 02*) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (*Mẫu số 03*) thể hiện được phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án.

c) Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết (*Mẫu số 04*) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau.

d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (*Mẫu số 05*).

đ) Bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết.

e) Tài liệu chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương), Quyết định thành lập đơn vị (hoặc tương đương), Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Báo cáo tài chính năm gần nhất; Bản sao Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tương tự (*nếu có*).

### 1.4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

a) Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Nội dung hồ sơ đề xuất phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết: Chủ trì dự án liên kết gửi 01 bộ hồ sơ theo điểm 1.3, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong thời hạn 10 ngày làm việc

kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Hội đồng thẩm định phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ trì dự án liên kết được biết.

c) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết: Chủ trì dự án liên kết gửi 01 bộ hồ sơ sơ theo điểm 1.3, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế thành phố. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân huyện thành lập tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Hội đồng thẩm định phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ trì dự án liên kết được biết.

d) Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết: Căn cứ ý kiến thẩm định, trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết) quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

## 2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

2.1. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này.

### 2.2. Nội dung hỗ trợ

a) Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

e) Xây dựng, quản lý dự án.

### 2.3. Mẫu hồ sơ

a) Mẫu hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo điểm 1.3, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này.

b) Mẫu hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác (kinh doanh, dịch vụ, tương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh): Đơn

vị chủ trì liên kết xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo nội dung hồ sơ quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 6 vào Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bản sao công chứng hợp đồng hoặc Biên bản hợp tác ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị đề xuất dự án, kế hoạch và nội dung khác (nếu có) theo quy định.

2.4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết: Theo điểm 1.3, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

3.1. Điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này.

3.2. Nội dung hỗ trợ

a) Đào tạo kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng.

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.

e) Hỗ trợ bao bì, nhãn mác.

3.3. Mẫu hồ sơ: Theo điểm 1.3, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này.

3.4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết: Theo điểm 1.3, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này.

### **Điều 8. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

1.1. Điều kiện hỗ trợ

a) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư theo quy định tại khoản 5, Điều 4 Nghị quyết này.

b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm



hộ do Ban Phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

d) Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

### 1.2. Nội dung hỗ trợ

a) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

b) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

d) Xây dựng, quản lý dự án: Chi nghiên cứu, lập dự án và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện dự án, lựa chọn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các hộ khác có nhu cầu và điều kiện để tham gia dự án; chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm. Chi các nội dung khác về quản lý dự án (nếu có) theo thực tế phát sinh (theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính).

đ) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả (theo quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính).

e) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao (theo quy định tại điểm g, khoản 3, Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính).

### 1.3. Mẫu hồ sơ: Theo Mẫu số 06, Mẫu số 07 và Mẫu số 08.

### 1.4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng

a) Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất. Hồ sơ phải bao gồm: Biên bản họp dân; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm; kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng (nếu có); trách nhiệm giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển; nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật; nội dung khác (nếu có) theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm

định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

c) Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

d) Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất phải bao gồm: Tên dự án, phương án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); hình thức, mức quay vòng (nếu có); dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

## 2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

2.1. Điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này.

### 2.2. Nội dung hỗ trợ

a) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

b) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

d) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

đ) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

e) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

g) Xây dựng, quản lý dự án.

2.3. Mẫu hồ sơ: Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 7 và Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Biên bản họp cộng đồng dân cư nơi triển khai xây dựng dự án, mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 06) và nội dung khác (nếu có) theo quy định.

#### 2.4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch

a) Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch, phương án sản xuất và bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch sản xuất; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu có).

c) Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan thẩm định dự án phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

### 3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

3.1. Điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này.

#### 3.2. Nội dung hỗ trợ

a) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

b) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

c) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

d) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

đ) Xây dựng, quản lý dự án.

3.3. Mẫu hồ sơ: Theo hướng dẫn ban hành kèm theo Thông tư số ...../2022/TT-BNN&PTNT ngày ...../...../2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Biên bản họp cộng đồng dân cư nơi triển khai xây dựng dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 06) và nội dung khác (nếu có) theo quy định.

3.4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch: Theo điểm 2.4, khoản 2, Điều 8 Nghị quyết này.

### **Điều 9. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

### 1.1. Điều kiện hỗ trợ

a) Đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết này nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

b) Tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

### 1.2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Khuyến khích bên nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng (bằng tiền, ngày công, hoặc hiện vật).

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua bên được giao nhiệm vụ, nhận đặt hàng.

1.3. Quy trình, thủ tục, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thực hiện theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chí thường xuyên.

## 2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

2.1. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1.1, mục 1, Điều 7 Nghị quyết này.

### 2.2. Nội dung hỗ trợ

a) Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

e) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

g) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.

h) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

i) Xây dựng, quản lý dự án.

2.3. Mẫu hồ sơ: Theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

2.4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch

a) Cơ quan được bố trí kinh phí để thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai theo điểm 2.3, khoản 2 Điều này; trình Thủ trưởng cơ quan được bố trí kinh phí quyết định phê duyệt dự án.

b) Cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

3.1. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 7 Nghị quyết này.

3.2. Nội dung hỗ trợ

a) Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Xây dựng, quản lý dự án.

3.3. Mẫu hồ sơ: Theo hướng dẫn ban hành kèm theo Thông tư số ...../2022/TT-BNN&PTNT ngày ...../...../2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3.4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch

a) Cơ quan được bố trí kinh phí để thực hiện dự án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai theo điểm 3.3, khoản 3 Điều này; trình Thủ trưởng cơ quan được bố trí kinh phí quyết định phê duyệt dự án.

b) Cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

**CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT.

**Lê Thị Kim Dung**